

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ DIỆU HOA

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO  
ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 9340410

HÀ NỘI - 2024

**Công trình được hoàn thành tại  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

***Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Trần Thị Minh Châu***



***Phản biện 1: PGS,TS. Mai Ngọc Anh***  
**Trường Đại học Kinh tế quốc dân**

***Phản biện 2: PGS,TS. Vũ Hoàng Nam***  
**Trường Đại học Ngoại thương**

***Phản biện 3: PGS,TS. Phạm Thị Hồng Điệp***  
**Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện  
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 12 năm 2024*

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và  
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do lựa chọn đề tài

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo là một mục tiêu mà bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng đều phải hướng đến. Lịch sử hoạt động giảm nghèo của các nhà nước hiện đại cho thấy các chính sách đã có sự thay đổi từ việc “*cho không*” đến việc tạo điều kiện để người nghèo có được sinh kế bền vững nhằm thoát nghèo thu nhập. Đặc biệt trong điều kiện mức sống trung bình của xã hội ngày càng được nâng cao, người nghèo hiện nay không còn nặng về thiếu ăn, thiếu mặc, mà chủ yếu là thiếu các dịch vụ xã hội cơ bản nên các chính sách giảm nghèo của nhà nước ở nhiều quốc gia đã chuyển sang cách tiếp cận giảm nghèo đa chiều (GNĐC) tức xem xét giải quyết vấn đề nghèo trên phương diện đáp ứng nhu cầu toàn diện của người nghèo.

Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện xóa đói giảm nghèo (XDGN). Cùng với cả nước, chính quyền thành phố Hà Nội đã nỗ lực thực hiện giảm nghèo đa chiều, nhưng hoạt động giảm nghèo của chính quyền thành phố Hà Nội cũng còn một số thiếu sót như việc rà soát số hộ nghèo đa chiều trên địa bàn chưa thật sự chính xác; chương trình, kế hoạch giảm nghèo được triển khai trong thực tiễn đôi khi vẫn còn bất cập; sự phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan chức năng trong lĩnh vực giảm nghèo chưa chặt chẽ; các chính sách bảo trợ còn được thực hiện theo cách dàn trải; công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực GN chưa toàn diện, chưa triệt để; đội ngũ cán bộ làm công tác GN còn thiếu, một số yếu kém trình độ... Để khắc phục những nhược điểm nêu trên cũng như tạo xung lực mới cho thực hiện GN giai đoạn 2026-2030, cần nghiên cứu sâu sắc hơn nữa hoạt động giảm nghèo của chính quyền thành phố Hà Nội. Với mong muốn góp công sức vào công cuộc đó nghiên cứu sinh chọn đề tài “*Quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều trên địa bàn thành phố Hà Nội*” làm đối tượng nghiên cứu trong Luận án tiến sĩ của mình.

### 2. Câu hỏi nghiên cứu

- Cơ sở lý thuyết của QLNN đối với GNĐC của chính quyền cấp tỉnh ở Việt Nam là gì?
- Những bài học thành công và thất bại của chính quyền cấp tỉnh nào ở Việt Nam giai đoạn 2016-2022 để chính quyền Hà Nội học hỏi?
- Chính quyền thành phố Hà Nội đã làm được gì và chưa làm được gì trong QLNN đối với GNĐC giai đoạn 2016 - 2022?
- Trong những năm sắp tới, chính quyền thành phố Hà Nội cần thực hiện những giải pháp gì trong QLNN đối với GNĐC để tiếp tục giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội cho người nghèo?

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***- Mục đích nghiên cứu***

Trên cơ sở hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về QLNN đối với GNĐC của chính quyền cấp tỉnh, luận án phân tích thực trạng, làm rõ thành công, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị khoa học nhằm đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền Thành phố trong công tác giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

#### ***- Nhiệm vụ nghiên cứu***

- + Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến QLNN đối với GNĐC của chính quyền cấp tỉnh.
- + Trình bày cơ sở lý thuyết về QLNN đối với GNĐC của chính quyền cấp tỉnh.
- + Phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với GNĐC của chính quyền thành phố Hà Nội.
- + Đề xuất phương hướng, giải pháp đổi mới, hoàn thiện QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***- Đối tượng nghiên cứu:*** Là hoạt động QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### ***- Phạm vi nghiên cứu***

- + *Phạm vi chủ thể quản lý:* Chủ thể quản lý nhà nước là chính quyền thành phố Hà Nội.
- + *Phạm vi đối tượng quản lý:* hoạt động GNĐC của các hộ nghèo (thường trú), vùng nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội, không bao gồm các hộ nghèo di cư không đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hà Nội.
- + *Phạm vi về nội dung:* Quản lý nhà nước đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội được tiếp cận theo chức năng QLNN, bao gồm:
  - Xây dựng kế hoạch giảm nghèo đa chiều
  - Tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều
  - Thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch GNĐC.
- + *Phạm vi về không gian:* Quản lý nhà nước đối với GNĐC được nghiên cứu trong phạm vi được phân cấp cho chính quyền Thành phố Hà Nội và trong giới hạn địa chính Hà Nội.
- + *Phạm vi về thời gian:* Dữ liệu sơ cấp được thu thập trong năm 2022; Dữ liệu thứ cấp được thu thập trong giai đoạn 2016-2022, một số nội dung có bổ sung dữ liệu đến năm 2023; Các giải pháp luận án đề xuất để nghiên cứu ứng dụng trong giai đoạn 2025-2035.

### **5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể**

### **5.1. Cơ sở phương pháp luận**

Quá trình nghiên cứu dựa trên quan điểm, lập trường của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về GNĐC. Đồng thời, trong luận án có kế thừa các thành quả nghiên cứu lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn của các nhà khoa học, các tổ chức nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong nước, ngoài nước về QLNN của chính quyền địa phương đối với GNĐC.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

#### **- Phương pháp nghiên cứu tại bàn**

+ Sử dụng phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa, tổng hợp, so sánh, mô hình hóa, bổ sung, phát triển các thành quả nghiên cứu lý thuyết để hình thành cơ sở lý thuyết về QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với GNĐC.

+ Sử dụng phương pháp phân tích, so sánh, hệ thống hóa dữ liệu thống kê, dữ liệu điều tra thực tế để mô tả thực trạng hoạt động QLNN của chính quyền thành phố Hà Nội đối với GNĐC

+ Sử dụng phương pháp so sánh giữa thực trạng QLNN của chính quyền thành phố với cơ sở lý thuyết về mục tiêu, chức năng QLNN của chính quyền cấp tỉnh trong lĩnh vực giảm nghèo và kinh nghiệm thực tế của các địa phương khác để đưa ra kiến nghị khoa học.

#### **- Phương pháp thu thập dữ liệu**

+ *Thu thập dữ liệu thứ cấp*: Dữ liệu thứ cấp liên quan đến QLNN đối với GNĐC được thu thập từ các báo cáo của các cơ quan chức năng thuộc chính quyền Hà Nội (Cục Thống kê Hà Nội, Sở LĐTB&XH Hà Nội, HĐND TP. Hà Nội, UBND TP. Hà Nội, ...) và từ các công trình khoa học đã công bố.

+ *Thu thập dữ liệu sơ cấp*: Nghiên cứu sinh thực hiện điều tra xã hội học với 02 mẫu phiếu khảo sát dành cho 02 đối tượng: đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo và các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Phương pháp điều tra được thực hiện như sau:

- **Xây dựng bảng hỏi**: Nghiên cứu sinh đã xây dựng bảng hỏi dựa trên bộ tiêu chuẩn đo lường nghèo đa chiều theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND quy định chuẩn NĐC của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025 với 12 tiêu chí để làm rõ các tiêu chí bị thiếu hụt, nguyên nhân, bản chất, các yếu tố tác động đến nghèo, thoát nghèo, đồng thời khai thác các quan điểm, ý kiến của người nghèo về các vấn đề liên quan đến tình trạng nghèo, công tác hỗ trợ giảm nghèo hiện tại và trong thời gian tới.

- **Địa bàn khảo sát**: Do các quận của thành phố Hà Nội hầu như không còn hộ NĐC nên nghiên cứu sinh lựa chọn 04 huyện có số lượng hộ nghèo cao

nhất của Thành phố Hà Nội là: Ba Vì (436 hộ), Phúc Thọ (299 hộ), Sóc Sơn (290 hộ), Chương Mỹ (227 hộ). Tại mỗi huyện, nghiên cứu sinh đã lựa chọn khảo sát 04 xã theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên.

- Mẫu khảo sát: Tổng số phiếu điều tra thực tế là 356 phiếu được phân bổ như sau: với 20 *Phiếu khảo sát cán bộ làm công tác giảm nghèo* và 336 *Phiếu Khảo sát các hộ nghèo* trên 04 huyện có số hộ nghèo cao nhất ở Thành phố Hà Nội vào cuối năm 2022.

20 phiếu điều tra cán bộ làm công tác giảm nghèo được phân bổ bình quân cho 04 huyện: Ba Vì, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Chương Mỹ theo cơ cấu: 04 phiếu khảo sát cán bộ xã làm công tác giảm nghèo thuộc 04 xã chọn điểm nghiên cứu (mỗi xã 01 phiếu) và 01 phiếu khảo sát cán bộ UBND huyện phụ trách công tác giảm nghèo.

336 phiếu điều tra hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội được lựa chọn theo phương pháp ước lượng tổng thể theo công thức tính mẫu Slovin (1984):

$$n = N : [1 + N \times (e^2)]$$

*Trong đó:* n: kích thước mẫu cần xác định

N: quy mô tổng thể

e: sai số cho phép

Với tổng mẫu là 2.134 hộ nghèo trên địa bàn Thành phố (năm 2022), sai số cho phép là 5% (+/- 0,05), học viên xác định được số lượng mẫu điều tra hộ nghèo tương ứng theo kết quả tính:

$$n = 2.134 : [1 + 2.134 \times (0,05)^2] = 336$$

Với kết quả này, NCS phát 336 phiếu khảo sát, thực hiện chia đều cho 04 huyện khảo sát là Ba Vì, Phúc Thọ, Sóc Sơn, Chương Mỹ. Mỗi huyện khảo sát 84 phiếu, thực hiện trên địa bàn 04 xã (mỗi xã thực hiện khảo sát 21 phiếu).

- *Phỏng vấn chuyên sâu (Phương pháp phỏng vấn chuyên gia):* NCS thực hiện phỏng vấn 15 phiếu tương ứng với 15 chuyên gia, các nhà khoa học có chuyên môn am hiểu về nghèo, giảm nghèo. NCS đã thiết kế bảng hỏi cấu trúc với những câu hỏi chuyên sâu (Phụ lục 8) để trên cơ sở đó có thể phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với GNĐC của chính quyền thành phố Hà Nội. Phương pháp phỏng vấn chuyên sâu có ưu điểm trong việc sử dụng để đánh giá các vấn đề có tính ước định nhằm làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu và những nhận định của các nhà khoa học, các chuyên gia nghiên cứu hoặc làm công tác về an sinh xã hội, giảm nghèo, hoặc tham gia vào công tác quản lý nhà nước đối với giảm nghèo ... coi là một trong những căn cứ cho việc đưa ra các kết luận có tính lý luận và thực tiễn.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng phương pháp phân tích SWOT để làm rõ công tác QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội, với những điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức; Phương pháp dự báo được sử dụng để dự báo bối cảnh hiện nay, là cơ sở để đề xuất giải pháp ở Chương 4.

- *Phương pháp xử lý dữ liệu*: Dữ liệu điều tra được NCS xử lý bằng phần mềm Excel 2013.

## **6. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

### **- Đóng góp về lý luận**

+ Kết quả nghiên cứu trong luận án góp phần bổ sung và làm rõ hơn cơ sở lý thuyết của QLNN đối với GNĐC của chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với điều kiện Việt Nam.

+ Luận án đã phân định rõ mục tiêu, nhân tố ảnh hưởng, nội dung quản lý nhà nước của chính quyền địa phương Việt Nam đối với GNĐC trên địa bàn một tỉnh, bao gồm tổng thể các hoạt động QLNN theo chức năng gồm: xây dựng kế hoạch GNĐC; tổ chức thực hiện kế hoạch; thanh tra, kiểm tra, đánh giá đối với việc thực hiện Chương trình giảm nghèo quốc gia nhằm tạo điều kiện cho hộ nghèo, người nghèo vươn lên thoát nghèo theo các chuẩn nghèo về thu nhập và tiếp cận các DVXHCB mà Nhà nước đã đưa ra cho từng giai đoạn cụ thể.

### **- Đóng góp về thực tiễn**

+ Luận án đã mô tả, phân tích, đánh giá thực trạng về QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2022, rút ra những nhận định về điểm mạnh (xây dựng kế hoạch GNĐC cùng với việc ban hành các chính sách thực hiện kịp thời, phù hợp; đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực cho GNĐC; thực hiện tốt các chính sách về giáo dục, y tế, nhà ở, vệ sinh, nước sạch, hệ thống thông tin cho người nghèo; thực hiện được nhiều chính sách đặc thù trong công tác GNĐC) và điểm yếu (tiến độ, nội dung xây dựng kế hoạch GNĐC của một số địa phương đôi khi còn chậm, chưa đầy đủ; thông tin xác định đối tượng hộ nghèo đa chiều có lúc chưa chuẩn nên vẫn có trường hợp thực hiện sai đối tượng; chính sách hỗ trợ thu nhập còn thiên về sản xuất; độ đa dạng và chất lượng dịch vụ xã hội cung cấp cho người nghèo còn hạn chế; công tác thanh tra, giám sát của Ban chỉ đạo giảm nghèo cơ sở còn chưa thường xuyên).

+ Kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội: (i) hoàn thiện quy trình xây dựng và nâng cao chất lượng kế hoạch GNĐC; (ii) đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện kế hoạch GNĐC; (iii) tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch GNĐC; (iv) nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm

chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo; (v) nâng cao nhận thức cho người nghèo, hạn chế phát sinh hộ nghèo trong tương lai.

+ Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN đối với GNĐC của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác và những người quan tâm, nghiên cứu vấn đề QLNN đối với GNĐC.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 04 chương.

### **Chương 1**

## **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH**

### **1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH**

#### **1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến nghèo, giảm nghèo, giảm nghèo đa chiều, nhân tố tác động đến giảm nghèo đa chiều**

Nguyễn Thị Hoa (2009) đã đề cập đến các trường phái lý thuyết bàn về nghèo gồm: trường phái nhu cầu cơ bản, trường phái phúc lợi và trường phái khả năng. Trong công trình của Zahra và Zafar (2015) đã xác định 07 nội dung cần thiết để phản ánh tình trạng nghèo gồm: mức sống, môi trường, tài sản, giáo dục, y tế, sinh kế và trên hết là sự loại trừ của xã hội. Janjua và Kamal (2011) đã sử dụng dữ liệu bảng cho 40 quốc gia đang phát triển để phân tích mô hình kinh tế lượng với phương pháp GLS, từ đó chứng minh rằng, thu nhập có tác động tích cực đến giảm nghèo. Nasir Muhammad (2016) cho rằng NĐC có thể được giảm bớt bằng cách đào tạo nghề cho người lao động, qua đó, tăng cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo. Phan Thị Nữ (2012), Đoàn Văn Trường (2016) nhấn mạnh ảnh hưởng của chính sách tín dụng đối với XĐGN. Ngoài ra, cũng có khá nhiều các nghiên cứu đánh giá việc thực hiện các chính sách GN ở Việt Nam và một số địa phương trên cả nước.

Ngoài ra, tác giả Nguyễn Trung Hải (2022), Sơn Thanh Tùng (2023)... đánh giá việc thực hiện các chính sách GN ở Việt Nam và một số địa phương: *i)* nhấn mạnh vai trò của các chính sách và chương trình GN như cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng, dịch vụ giáo dục, y tế,... *ii)* nhận diện và phân tích xu hướng GN tại một số địa phương của Việt Nam, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, thách thức trong GN của Việt Nam; *iii)* đề xuất một số giải pháp nhằm hướng đến mục tiêu GNBV; *iv)* các công trình nghiên cứu



đã nhân mạnh sự đúng đắn của Chính phủ Việt Nam khi tiếp cận các quan điểm GN.

### **1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh**

#### **1.1.2.1. Các công trình liên quan đến xây dựng kế hoạch giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh**

*Thứ nhất, các công trình liên quan đến xây dựng bộ tiêu chí giảm nghèo đa chiều và rà soát hộ nghèo tại địa phương.*

Ngân hàng Thế giới (2000) cho rằng *bản chất của đói nghèo là đa chiều* và chỉ ra các khía cạnh khác nhau của NĐC như sau: 1, nghèo là sự khốn cùng về vật chất, 2, *nghèo* là thiếu thốn sự hưởng thụ về giáo dục và y tế; 3, *nghèo* có nguy cơ dễ bị tổn thương và dễ gặp rủi ro; 4, *nghèo* là tình trạng không có tiếng nói và không có quyền lực. Alkire, S. and Santos (2011) cho rằng chỉ số NĐC được sử dụng không chỉ nhằm mục tiêu vào những người nghèo nhất, mà còn dùng để theo dõi các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ. Quan điểm này cũng được Virginia Robano và cộng sự (2014) nhân mạnh việc Chính phủ Bangladesh nhận thấy sự cần thiết phải áp dụng các tiêu chí đo lường GN vào Chương trình GN quốc gia để tấn công nghèo một cách hiệu quả. Nhóm tác giả Sabina Alkire và cộng sự (2020) đã xây dựng 10 chỉ số NĐC toàn cầu (MPI) trên 03 khía cạnh: sức khỏe, giáo dục và mức sống. Công trình của Y. Lu và cộng sự (2019) đã sử dụng phương pháp Alkire – Foster (gọi tắt là phương pháp AF) để thiết kế hệ thống chỉ số đo lường nghèo gồm 05 chiều và 15 chỉ số. Wang và Wang (2016) cũng sử dụng phương pháp AF để đo lường, đánh giá NĐC. Nhóm tác giả đã đề xuất mô hình đánh giá mức nghèo đói của mỗi địa phương và phân tích các yếu tố đóng góp vào sự nghèo đói ở Trung Quốc. Tác giả Lê Thị Thanh Loan và cộng sự (2010) đã đề cập đến việc điều chỉnh bộ tiêu chí chuẩn nghèo cho phù hợp với từng địa phương. Trần Tiến Khai và Nguyễn Ngọc Danh (2014) đã xây dựng chỉ số đo lường NĐC cho hộ nông thôn ở Việt Nam trên cơ sở tiếp cận sinh kế để hướng tới GNĐC với việc xác định 16 biến tài sản sinh kế đại diện cho 10 chiều đo lường khả dụng cho NĐC.

*Thứ hai, các công trình liên quan đến xác định nguồn lực, lộ trình và giải pháp thực hiện GNĐC*

Hầu như những công trình nghiên cứu GN nói chung đều có quan điểm tương đồng nhau về xác định nguồn lực GN, gồm: nguồn lực tài nguyên, nguồn lực tài chính, nguồn lực con người, nguồn xã hội, nguồn tài sản vật chất... Nguồn lực tài chính được Katsushi S.Mmai và cộng sự (2012) đã cho rằng mở rộng các tổ chức tài chính vi mô góp phần làm giảm đáng kể tỷ lệ

nghèo ở cấp độ vĩ mô. Mosley (2001), Jonathan Morduch và cộng sự (2022), Doreen S. Nakiyimba vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ người nghèo đối phó với nghèo đói, có thể cải thiện sinh kế....

P.A. Samuelson với lý thuyết “*Vòng luẩn quẩn*” và “*Cú huých từ bên ngoài*” cho rằng, sở dĩ một nước lâm vào tình trạng nghèo là do nước đó chưa trải qua giai đoạn hiện đại hóa để trở thành nước phát triển và muốn thoát nghèo thì cần sự hỗ trợ của các nước giàu. Walter W. Rostow (1961) với lý thuyết “*cải cách*” cũng đồng quan điểm: nghèo là giai đoạn bắt đầu phát triển của bất kỳ nước nào chuyển từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Vì vậy, không thể ngay lập tức xóa bỏ tình trạng phân hóa giàu nghèo trong xã hội bằng một cuộc cách mạng xã hội cũng như bằng cải tạo quan hệ sản xuất, để làm cơ sở xây dựng giải pháp GN.

Có rất nhiều tác giả đi sâu phân tích nguyên nhân của nghèo đói trong các công trình nghiên cứu của mình. David S Landes (1999) đã phân tích về toàn cảnh bức tranh giàu nghèo và lý giải nguyên nhân giàu, nghèo của mỗi quốc gia là khác nhau. Nước Anh và Trung Quốc với lợi thế ban đầu là kiến thức về khoa học, kỹ thuật, nguồn tài nguyên... nhưng Anh vượt trội nhờ phát triển xã hội “*mở*”- khuyến khích giao thương, hấp nhận đương đầu với những rủi ro đầu tư nên Anh đã trở thành cái nôi của cuộc cách mạng công nghiệp. Trung Quốc lại phát triển công nghiệp sau và chậm hơn... Nguyên nhân thường trực dẫn đến nghèo là *thất nghiệp* được Ngân hàng Thế giới (1995) đề cập đến. Giới tính của chủ hộ, lao động không được đào tạo cũng là nguyên nhân của nghèo cũng được nhiều tác giả đề cập. Iqbal (2012) khẳng định rằng việc *thiếu giáo dục kỹ thuật và kỹ năng* là nguyên nhân chính dẫn đến nghèo đói ở nước Pakistan. Okojie cũng cho rằng *giới tính* của chủ hộ cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới nghèo đói của các hộ gia đình... Max Weber đã nhấn mạnh *thị trường* chính là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng trong xã hội. Khan và cộng sự (2001) lý giải nguyên nhân nghèo đói ở nông thôn tại các quốc gia đang phát triển là *do không có tài sản tích lũy*. Phan Huy Đường và cộng sự (2010) đã lý giải nguyên nhân nghèo chủ yếu là *do thiếu vốn sản xuất, thiếu kinh nghiệm làm ăn và thiếu đất*... Trần Công Kha, Bùi Thị Thanh Tâm, Lê Thị Thanh Loan phân tích các yếu tố tác động đến tình trạng nghèo, nguyên nhân nghèo của hộ gia đình: *tỷ lệ người phụ thuộc, quy mô hộ, diện tích đất sản xuất, học vấn của chủ hộ, giới tính của chủ hộ*...

Như vậy, hầu như không có nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến việc xây dựng kế hoạch GNĐC ở một địa phương: cơ sở điều chỉnh bộ tiêu chí GNĐC, rà soát, thống kê hộ NĐC, xác định nguồn lực, mục tiêu, lộ trình,

giải pháp. Các tác giả chủ yếu chỉ đề cập đến một hoặc một số khía cạnh nào đó trong các nghiên cứu về nghèo, nghèo đa chiều.

### ***1.1.2.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh***

*Thứ nhất, công trình liên quan đến sự phân công, phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình thực hiện GNĐC.*

Liên quan đến quản lý nhà nước trong việc phối hợp thực hiện GN, nhóm tác giả A.Goetz và cộng sự (2005) đã chỉ ra sự cần thiết phải phối hợp hoạt động các bộ phận chức năng trong quản trị công để GN. Năm 2006, Aline Coudouel và cộng sự đã phân tích thực tiễn chính sách liên quan đến GN ở một số nước như Anbani, Bolivia... Các nghiên cứu ở Việt Nam cũng không đi sâu phân tích nội dung về sự phối hợp thực hiện của các đơn vị công mà chỉ đề cập đến như là một giải pháp trong nghiên cứu về GN của các tác giả. Lê Thị Thanh Bình (2021) đã đề xuất giải pháp tăng cường phối hợp giữa Ban Chỉ đạo giảm nghèo và các cơ quan, ban ngành, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện GN. Đặng Nguyên Anh (2021) đã nhận định rằng: *NĐC là cách tiếp cận mới nhằm hạn chế việc bỏ sót những đối tượng tuy không nghèo về thu nhập nhưng lại nghèo về các chiều cạnh khác...*

*Thứ hai, công trình liên quan đến triển khai các chính sách nhằm GNĐC*  
- Nghiên cứu liên quan đến chính sách GNĐC về phương diện thu nhập.

Dalila Cervantes - Godoy and Dewbre (2015) trong nghiên cứu của mình đã đề cập đến vai trò của Chính phủ trong việc cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và GN. Vishwambhar Prasad Sati (2016) đã mô tả cách tiếp cận sinh kế bền vững để GN và phân tích tình hình hiện tại của tất cả các sinh kế ở Mizoram. Cùng cách tiếp cận GNĐC theo sinh kế, Đặng Hữu Liệu và cộng sự (2017) đã trình bày phương pháp đánh giá NĐC theo chuẩn của Chính phủ Việt Nam giai đoạn 2016– 2020 và nhận xét rằng chúng vẫn còn một số hạn chế bởi các tiêu chí đưa ra vẫn chưa phản ánh được toàn diện các khía cạnh cuộc sống. Vai trò của nhà nước đối với GNĐC là phải tạo sinh kế cho người nghèo đã được Ngân hàng thế giới (2012). Việt Nam đã sử dụng 06 cách thức đánh giá nghèo khác nhau, trong đó 04 phương pháp áp dụng tiếp cận NĐC và từ đó đưa ra các giải pháp GN như tạo sinh kế cho người nghèo, hỗ trợ sử dụng các dịch vụ về giáo dục, y tế, ...Trần Thị Sen (2021) đã đánh giá thực trạng nghèo theo cách tiếp cận đa chiều ở vùng Đông Nam Bộ và xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến NĐC của Vùng. Trần Đình Thiên cho rằng, không thể giúp người nghèo thoát nghèo bằng cách tặng nhà, tặng phương tiện sống, v.v. Nguyễn Đức Lộc và cộng sự (2019) đưa ra khuyến nghị là cần chú trọng vào việc tìm hiểu mối quan hệ giữa chính sách phát triển, hỗ trợ, XDGN của chính quyền với năng lực chủ thể của

người nghèo trong việc thoát nghèo bền vững.

- *Nghiên cứu liên quan đến chính sách GNĐC về cải thiện mức độ tiếp cận các dịch vụ cơ bản của người nghèo*

Jakob Dirksen (2020) trong công trình nghiên cứu của mình đã giải thích rằng, mỗi Chính phủ sẽ có các cách đo lường nghèo khác nhau. Dù là cách đo như thế nào thì các nước đều có các chỉ số đo lường các chiều xem xét chính: giáo dục, y tế và mức sống cơ bản. Y. Wang and B. Wang (2016) cho thấy có ít nhất 04 khía cạnh về nghèo đói với 10 chỉ số cơ bản, trong đó 03 yếu tố chính đóng góp vào nghèo đói là nhà ở không kiên cố, sức khỏe gia đình và tình trạng mù chữ của người lớn. Mohanty và cộng sự (2018) đã khảo sát từ 4.290 hộ gia đình nghèo để đo lường theo 05 chiều và 12 chỉ số. Henaff và cộng sự (2012) cũng nhấn mạnh, giáo dục chất lượng là chìa khóa nòng cốt để mở ra cánh cửa phát triển và XĐGN... Huỳnh Đình Phát (2021) đã sử dụng thang đo NĐC của Chính phủ và tác giả đưa vào kiểm chứng khẳng định ảnh hưởng của yếu tố “*tiếp cận thông tin*” (bao gồm mức độ tiếp cận thông tin và sự hữu ích của thông tin) đến tình trạng NĐC của hộ nghèo. Phạm Thị Thanh Mai (2014) đã lựa chọn hai loại dịch vụ cơ bản mà người nghèo cần được cung cấp đầy đủ là dịch vụ tài chính và dịch vụ việc làm... Ngoài ra, tiêu chí đào tạo nghề, tạo việc làm để GNĐC cũng được một số nghiên cứu đề cập đến. Cuốn sách do Martha Alter Chen và các cộng sự biên soạn (2004) đã đề cập đến chiến lược XĐGN ở khía cạnh công việc, nghề nghiệp của các thành phần lao động tự do, chủ yếu là những người nghèo. Bùi Thanh Hà (2021) đã chỉ ra những tác động trong ngắn hạn và dài hạn của lao động qua đào tạo nghề và người lao động đã trải qua đào tạo nghề có cơ hội tìm việc làm hơn, có khả năng tăng thu nhập và tăng khả năng tiếp cận tới DVXHCB.

### ***1.1.2.3. Tình hình nghiên cứu liên quan đến thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh***

Trên quan điểm các chiều đo lường có sự khác biệt, Louis-Marie Asselin và cộng sự (2009) trong nghiên cứu của mình đã đề cập đến vấn đề giám sát thực hiện GNĐC và khẳng định khả năng áp dụng phương pháp giám sát trong xây dựng khuôn khổ chính sách điều chỉnh kinh tế vĩ mô cho phát triển ở Việt Nam, đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải tiến phương pháp giám sát để xác định người nghèo ở Việt Nam. Nguyễn Thị Thanh Vân (2022) đã nhấn mạnh vai trò của kiểm tra, giám sát trong hoạt động GN của các cơ quan nhà nước. Công tác thanh tra, giám sát thực hiện kế hoạch GN cũng được tác giả Hà Minh Sơn (2022) và cộng sự đề cập phải hoàn thiện thể chế, cơ chế để phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội- nghề nghiệp, các doanh nghiệp và tất cả các chủ thể khác trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá công tác GNBV. Nguyễn Giác Trí (2023) cũng đề xuất

một số giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động GN tại địa phương.

## **1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH**

### **1.2.1. Những vấn đề đã được các nghiên cứu làm sáng tỏ**

- *Hầu hết các công trình đều khẳng định tiếp cận GNĐC là cần thiết và phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay. Lịch sử các hoạt động giảm nghèo của Việt Nam từ cuối thế kỷ XX đến nay cũng đã trải qua 03 giai đoạn giống như các nước khác: giảm nghèo vật chất (với chuẩn nghèo chủ yếu đo bằng tiêu chí thu nhập); giảm nghèo bền vững (với cách tiếp cận hỗ trợ sinh kế bền vững cho hộ nghèo); giảm nghèo đa chiều (với cách tiếp cận quyền con người, các DVXHCN mà con người đáng được hưởng).*

- *Giảm nghèo đa chiều là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực của nhiều chủ thể, trong đó có hai chủ thể quan trọng nhất là chính quyền nhà nước và hộ nghèo.*

- *Các giải pháp để thực hiện Chương trình giảm nghèo quốc gia phải tùy theo thực trạng nghèo khổ, nguồn lực của quốc gia và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Trong các nguồn lực để GN thì nguồn lực tài chính có vai trò quan trọng, thúc đẩy nhanh quá trình thực hiện, trong đó hình thức tài chính vi mô được nhiều tổ chức, cá nhân nhà nghiên cứu coi trọng.*

- *Các giải pháp giảm nghèo được các công trình đề cập khá đa dạng như: bảo vệ môi trường tự nhiên và tăng cơ hội tiếp cận tài nguyên của người nghèo; chính sách hỗ trợ đất, vốn, đào tạo nhân lực cho người nghèo... Trong đó giải pháp về phân công, phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình thực hiện và giải pháp về tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát được nhiều công trình đề cập.*

- *Nhiều công trình nhấn mạnh vai trò quan trọng của Nhà nước trong xây dựng và triển khai thực hiện chương trình GN quốc gia. Nhà nước cần tác động tích cực trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ: giáo dục phổ cập, y tế, giao thông, thông tin, nước sạch, nhà ở và hỗ trợ người nghèo tiếp cận thị trường lao động, thị trường tín dụng chính thức...*

### **1.2.2. Khoảng trống chưa nghiên cứu**

- Có thể thấy đa phần các công trình nghiên cứu tiếp cận GNĐC theo khía cạnh có nhiều chủ thể tham gia, trong đó nhấn mạnh những khía cạnh như: nguyên nhân, các nhân tố ảnh hưởng đến GNĐC, các chỉ số đo lường NĐC, các kiến nghị chung cho các chủ thể tham gia GNĐC... Rất ít công trình nghiên cứu

toàn diện nội dung QLNN đối với GNĐC trên bình diện quốc gia, địa phương cấp tỉnh. Một số công trình có đề cập đến vai trò của chính phủ hoặc chính quyền địa phương các cấp nhưng khá phiến diện, chỉ đề cập đến một số khía cạnh cụ thể thuộc chức năng tổ chức thực hiện QLNN đối với GNĐC như: chính sách giáo dục, chính sách y tế, chính sách tài chính, chính sách tạo việc làm..., coi đó là một trong những nội dung nghiên cứu. Đặc biệt rất ít công trình nghiên cứu tiếp cận vai trò của nhà nước trong GNĐC một cách toàn diện theo hệ thống chức năng (xây dựng chính sách; tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá).

- Có một số nghiên cứu đã đề cập trực tiếp đến các chức năng QLNN đối với GN nhưng mới dừng lại ở giai đoạn GN thu nhập hoặc GNBV... Đối với QLNN trong GNĐC thì chỉ mới đề cập đến các khía cạnh đơn lẻ trong chức năng QLNN mà chủ yếu là các nội dung liên quan đến chức năng tổ chức thực hiện chính sách GNĐC của Nhà nước.

- Vai trò của chính quyền cấp tỉnh đối với GN cũng được đề cập khá nhiều trong các nghiên cứu, chưa có tác giả nào đề cập một cách hệ thống và toàn diện vai trò của chính quyền cấp tỉnh đối với GNĐC ở Việt Nam trong giai đoạn từ 2016 đến 2022. Đa phần các nghiên cứu mới chỉ chú ý đến một địa phương cụ thể với một chính sách cụ thể trong hệ thống chính sách GNĐC.

Như vậy, QLNN đối với GNĐC trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện chưa được nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống và cập nhật cho giai đoạn từ 2016 trở lại đây.

### **1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯỢC LỰA CHỌN NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN VÀ KHUNG PHÂN TÍCH**

#### **1.3.1. Những vấn đề được lựa chọn nghiên cứu trong luận án**

*Thứ nhất*, góc độ tiếp cận trong luận án là quản lý kinh tế với chủ thể quản lý là chính quyền cấp tỉnh, đối tượng quản lý là chương trình GNĐC xét theo chuẩn nghèo của Việt Nam đặt trong khung khổ chính sách GN chung của quốc gia.

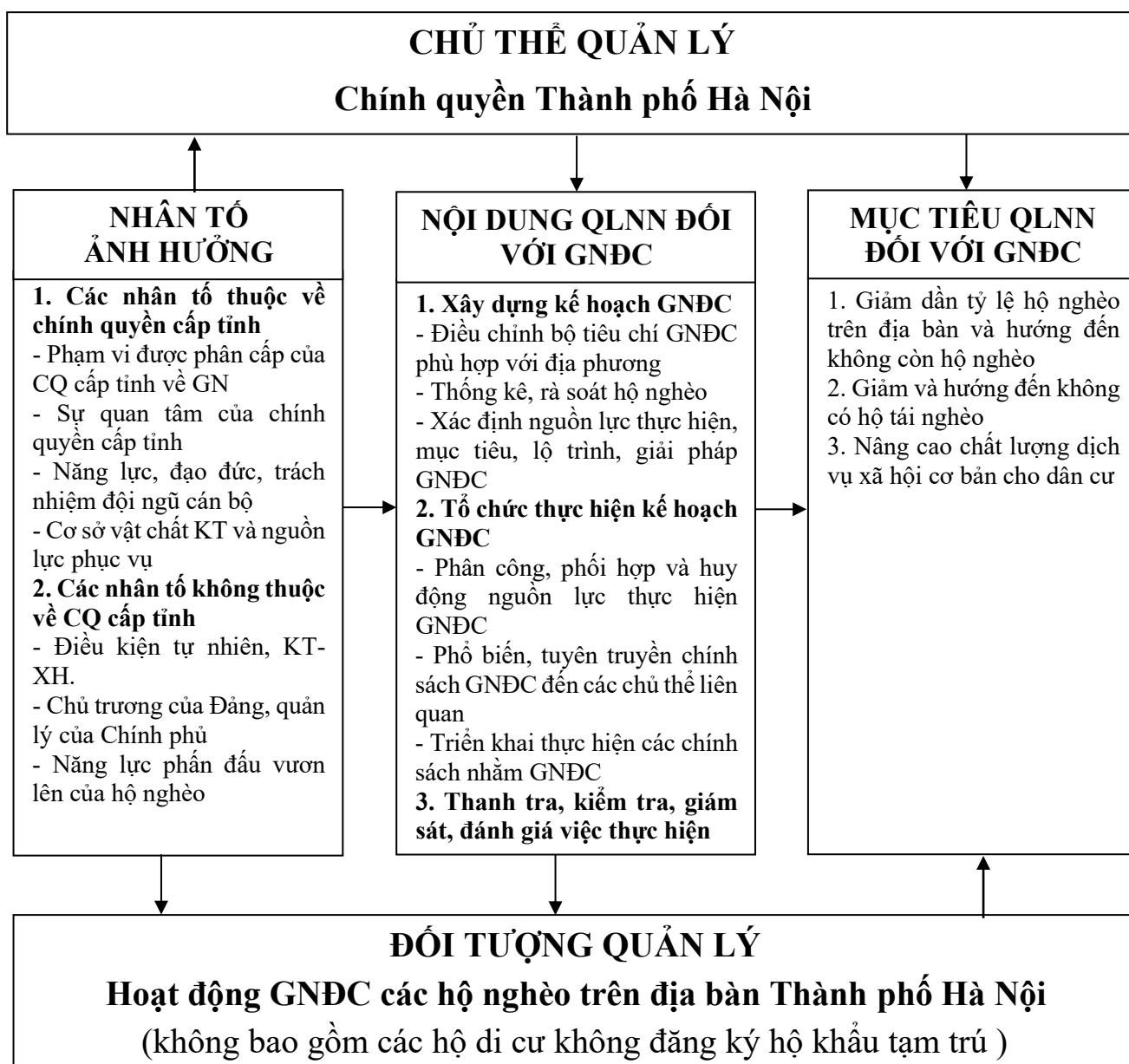
*Thứ hai*, trên cơ sở xây dựng khung lý thuyết về QLNN đối với GNĐC của chính quyền địa phương cấp tỉnh, trong luận án nghiên cứu sinh lựa chọn phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với Chương trình GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp cận theo các chức năng quản lý gồm: Xây dựng chương trình, kế hoạch, chính sách GNĐC; Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, chính sách GNĐC; Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá trong quá trình thực hiện chương trình, kế hoạch, chính sách GNĐC.

*Thứ ba*, do hiện tại, theo chuẩn NĐC của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, trong các quận nội thành hầu như không còn hộ nghèo. Vì thế,

dữ liệu đối tượng nghèo được xem xét chủ yếu ở các huyện ngoại thành.

*Thứ tư*, luận án đề xuất các giải pháp cụ thể theo hướng hoàn thiện QLNN trong thực hiện các chức năng: xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do không thể đo lường trực tiếp hoạt động QLNN đối với GNĐC của chính quyền thành phố, trong luận án sẽ trình bày những đánh giá về QLNN thông qua các tiêu chí đo lường gián tiếp ở tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo và mức độ cải thiện các chỉ số đo lường NĐC của người nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### 1.3.2. Khung phân tích trong luận án



## Chương 2

### CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ

## NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

### 2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VỀ NGHÈO ĐA CHIỀU VÀ GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU

#### 2.1.1. Cơ sở lý thuyết về nghèo đa chiều

##### 2.1.1.1. Quan niệm về nghèo đa chiều

\* *Quan niệm về nghèo*: Là hiện tượng con người chỉ được thỏa mãn nhu cầu dưới mức trung bình (hoặc tối thiểu) của một xã hội cụ thể trong một thời kỳ xác định. Người nghèo là người chỉ được thỏa mãn nhu cầu phổ biến dưới mức trung bình của xã hội.

\* *Quan niệm về nghèo đa chiều*: Nghèo đa chiều được hiểu là sự thiếu hụt năng lực thụ hưởng các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội, không được đáp ứng một số các nhu cầu cơ bản thuộc phạm vi quyền con người như giáo dục, y tế và điều kiện sống tối thiểu.

##### 2.1.1.2. Các chỉ tiêu phản ánh nghèo đa chiều

Có thể chia làm hai cách xác định tiêu chí nghèo đa chiều như sau:

- *Cách thứ nhất xác định theo đầu vào*, nghĩa là xác định mức thiếu hụt khiến hộ gia đình không thể tiến hành sinh kế bền vững.

- *Cách thứ hai xác định theo mức độ hưởng thụ*. Đây là cách được nhiều quốc gia (trong đó có Việt Nam) và nhiều tổ chức quốc tế ủng hộ. Theo đó, người ta xây dựng các tiêu chí đo lường mức độ thiếu hụt của 06 nhóm DVXHCB sau: i) thiếu hụt dịch vụ việc làm; ii) thiếu hụt dịch vụ y tế; iii) thiếu hụt dịch vụ giáo dục; iv) thiếu hụt dịch vụ nhà ở; v) thiếu hụt các nguồn lực để sinh sống như nước sạch, nhà vệ sinh hợp chuẩn, môi trường vệ sinh...; vi) thiếu hụt thông tin.

##### 2.1.1.3. Nguyên nhân nghèo đa chiều

- Nhóm nguyên nhân từ phía bản thân hộ nghèo
- Nhóm nguyên nhân từ môi trường
- Nhóm nguyên nhân từ văn hóa, phong tục, nếp sống của các dân tộc
- Nhóm nguyên nhân từ phía chính quyền
- Nhóm nguyên nhân khác

##### 2.1.1.4. Tác động tiêu cực của tình trạng nghèo đa chiều

- Nghèo đa chiều tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế
- Nghèo đa chiều tác động tiêu cực tới quan hệ xã hội
- Nghèo đa chiều tác động tiêu cực tới ổn định chính trị
- Nghèo đa chiều ảnh hưởng đến vị thế quốc gia trên trường quốc tế

#### 2.1.2. Cơ sở lý thuyết về giảm nghèo đa chiều

##### 2.1.2.1. Khái niệm giảm nghèo đa chiều



\* *Quan niệm về giảm nghèo*: Giảm nghèo là hoạt động của hộ gia đình dưới sự hỗ trợ của cộng đồng và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội để thoát nghèo. Kết quả của GN bao giờ cũng được xác định bởi giảm số và tỷ lệ hộ nghèo và từng bước nâng cao đời sống của người nghèo theo trình độ phát triển KT- XH nói chung.

\* *Giảm nghèo đa chiều*: GNĐC không chỉ dừng lại ở phát triển kinh tế, mà còn phải cải cách xã hội, đối xử công bằng với người nghèo, tạo điều kiện để họ tham gia vào quá trình phát triển chung. GNĐC đòi hỏi nguồn lực lớn hơn, đề cao trở lại vai trò của Nhà nước trong tạo dựng môi trường sống công bằng cho mọi tầng lớp người dân trong xã hội.

### 2.1.2.2. Nội dung và tiêu chí đo mức độ giảm nghèo đa chiều

#### \* Về nội dung giảm nghèo đa chiều

- Giảm nghèo về phương diện thu nhập
- Cải thiện mức độ tiếp cận các DVXHCB của người nghèo

#### \* Về tiêu chí đo mức độ giảm nghèo đa chiều

- Tiêu chí cải thiện thu nhập hộ nghèo

**Bảng 2.2. Chuẩn nghèo thu nhập ở Việt Nam**

<b>1</b>	<b>2016-2020</b>	<b>(Tiền)</b>	<b>Chuẩn nghèo</b>
	Nông thôn	đồng/người/tháng	700.000 700.000 - 1.000.000 và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các DVXHCB trở lên
	Thành thị	đồng/người/tháng	900.000 900.000 -1.300.000 và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các DVXHCB trở lên
<b>2</b>	<b>20021- 2025</b>	<b>(Tiền)</b>	<b>Chuẩn nghèo</b>
	Nông thôn	đồng/người/tháng	1.500.000 và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch DVXHCB trở lên.
	Thành thị	đồng/người/tháng	2.000.000 trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt DVXHCB trở lên

*Nguồn: Quyết định Số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015*

*Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021*

- *Tiêu chí đo mức giảm thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản*: được chia thành 06 nhóm (việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin) với 12 chỉ số. Như vậy, giảm nghèo DVXHCB là tạo điều kiện để người nghèo hưởng được nhiều DVXHCB, dấu mốc GN là vượt qua mức

thiếu hụt 03 chỉ số trong chuẩn nghèo DVXHCB.

## **2.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH**

### **2.2.1. Khái niệm, mục tiêu quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều**

#### **\* Khái niệm quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều**

- *Khái niệm quản lý nhà nước*: Là sự tác động có tổ chức bằng pháp luật và hệ thống chính sách đến hành vi của công dân và tổ chức trong xã hội nhằm đạt được mục tiêu chung là phát triển quốc gia, địa phương, ngành theo quan điểm và đường lối của đảng cầm quyền.

- *Khái niệm quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều*: Quản lý nhà nước đối với GNĐC là tổng thể các hoạt động quản lý của nhà nước theo chức năng gồm: xây dựng kế hoạch GNĐC; tổ chức thực hiện kế hoạch GNĐC; thanh tra, kiểm tra, đánh giá đối với việc thực hiện kế hoạch GNĐC nhằm tạo điều kiện cho hộ nghèo, người nghèo vươn lên thoát nghèo theo các chuẩn nghèo về thu nhập và tiếp cận các DVXHCB mà Nhà nước đã đưa ra cho từng giai đoạn cụ thể.

\* *Khái niệm QLNN đối với GNĐC của chính quyền cấp tỉnh*: Là hoạt động quản lý theo chức năng được phân cấp của chính quyền cấp tỉnh đối với việc triển khai thực hiện chương trình GN quốc gia trên địa bàn tỉnh theo các quy định và tiêu chí đo lường GNĐC phù hợp với địa phương.

#### **\* Mục tiêu quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh**

- *Mục tiêu tổng quát*: Là thực hiện có hiệu quả Chương trình GN quốc gia trên địa bàn quản lý.

- *Mục tiêu cụ thể*: i) Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo kế hoạch; ii) Giảm số huyện nghèo, xã nghèo; iii) Giảm số hộ nghèo và cận nghèo thu nhập; iv) Giảm mức thiếu hụt dịch vụ việc làm; v) Giảm mức thiếu hụt dịch vụ giáo dục; vi) Giảm mức thiếu hụt dịch vụ y tế; vii) Giảm mức thiếu hụt nhà ở theo chuẩn; viii) Giảm mức thiếu hụt dịch vụ nước sạch, vệ sinh môi trường; ix) Giảm mức thiếu hụt dịch vụ thông tin.

### **2.2.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh**

#### **2.2.2.1. Xây dựng kế hoạch giảm nghèo đa chiều theo chương trình giảm nghèo quốc gia**

*Thứ nhất, điều chỉnh bộ tiêu chí giảm nghèo đa chiều phù hợp với điều kiện địa phương.*

*Thứ hai, thống kê số hộ nghèo đa chiều trên địa bàn*

#### **2.2.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

\* Phân công, phối hợp các đơn vị, cán bộ thực hiện

- \* Huy động, phân bổ, phối hợp nguồn lực thực hiện
- \* Phổ biến, tuyên truyền về hoạt động GNĐC tới các đối tượng liên quan
- \* Triển khai thực hiện các chính sách nhằm giảm nghèo đa chiều

### **2.2.2.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

*\* Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo đa chiều*

*\* Biện pháp xử lý, ngăn chặn các hành vi vi phạm*

### **2.2.3. Nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của chính quyền cấp tỉnh**

#### **2.2.3.1. Các nhân tố thuộc về chính quyền cấp tỉnh**

- Phạm vi được phân cấp của chính quyền cấp tỉnh trong lĩnh vực GN
- Sự quan tâm của hệ thống chính trị cấp tỉnh đến hoạt động GN
- Năng lực, đạo đức, trách nhiệm cán bộ QLNN về GNĐC
- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn lực phục vụ công tác QLNN về GNĐC của chính quyền cấp tỉnh

#### **2.2.3.2. Các nhân tố không thuộc về chính quyền cấp tỉnh**

- Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh
- Chủ trương của Đảng, quản lý của Chính phủ về GNĐC
- Tác động của bối cảnh cách mạng khoa học công nghệ trên thế giới và những vấn đề mang tính chất toàn cầu
- Năng lực phấn đấu vươn lên của hộ nghèo

## **2.3. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### **2.3.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của một số địa phương**

#### **2.3.1.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của Thành phố Hồ Chí Minh**

*Thứ nhất, kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch GNĐC*

*Thứ hai, kinh nghiệm về tổ chức thực hiện GNĐC*

*Thứ ba, kinh nghiệm trong thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch GNĐC của Thành phố.*

#### **2.3.1.2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều của Thành phố Đà Nẵng**

*Thứ nhất, kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch GNĐC*

*Thứ hai, kinh nghiệm về tổ chức thực hiện GNĐC của Thành phố Đà Nẵng*

*Thứ ba, kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá GNĐC*

### **2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Thành phố Hà Nội**

- Bài học về xây dựng kế hoạch GNĐC

- Bài học về tổ chức thực hiện kế hoạch GNĐC
- Bài học về tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện GNĐC.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

### 3.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

#### 3.1.1. Khái quát chung về Thành phố Hà Nội

##### 3.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình của Thành phố Hà Nội

- Vị trí địa lý
- Địa hình

##### 3.1.1.2. Điều kiện về kinh tế- xã hội của Thành phố Hà Nội

- Điều kiện dân số, mật độ dân số
- Điều kiện kinh tế
- Điều kiện về phát triển văn hóa - xã hội, an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo, việc làm, y tế

#### 3.1.2. Thực trạng nghèo đa chiều trên địa bàn thành phố Hà Nội

##### 3.1.2.1. Thực trạng nghèo đa chiều xét theo thu nhập trên địa bàn thành phố Hà Nội

**Bảng 3.1. Chuẩn nghèo và chuẩn cận nghèo tính theo thu nhập bình quân đầu người các giai đoạn của Hà Nội**

Khu vực	2016-2020		2021-2025	
	Nghèo	Cận	Nghèo	Cận nghèo
<i>Nông thôn</i>	1.100.000	1.500.000	<2.000.000 và thiếu hụt 03 chỉ số đo lường trở lên	<2.000.000 và thiếu hụt 03 chỉ số đo lường trở xuống
<i>Thành thị</i>	1.400.000	1.950.000	<2.500.000 và thiếu hụt 03 chỉ số đo lường trở lên	<2.500.000 và thiếu hụt 03 chỉ số đo lường trở xuống
<i>Tên văn bản</i>	QĐ số 12/2016/QĐ-UBND TP HN, 13/4/2016		QĐ số 13/2021/QĐ-UBND TP HN, 05/9/2021	

*Nguồn: Tác giả tổng hợp theo QĐ số 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và QĐ số 13 /QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội*

### Bảng 3.2. Tỷ lệ hộ nghèo của Hà Nội giai đoạn 2016 - 2022

*Đơn vị tính: %*

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tỷ lệ hộ nghèo	2,37	1,69	1,16	0,42	0,21	0,04	0,095

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục thống kê 2022*

**Bảng 3.3. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 – 2022 của Hà Nội**

Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Số hộ nghèo giảm trong năm	25.037	15.181	11.656	15.382	4.577	3.507	1.582
Tỷ lệ hộ nghèo giảm so với năm trước đó	1,3%	0,7%	0,53%	0,74%	0,21%	0,17%	0,12%

*Nguồn: Tác giả thống kê thông qua Báo cáo Sở LĐTB&XH từ năm 2016-2022*

Mức chuẩn NĐC của Thành phố cao hơn mức trung bình chung của cả nước, nhóm người giàu có thu nhập khá cao dẫn đến nhóm những người có thu nhập thấp sẽ là những nhóm yếu thế trong xã hội. Do vậy, nhóm thu nhập thấp lâm vào tình trạng nghèo tương đối và là đối tượng của GNĐC.

### **3.1.2.2. Thực trạng nghèo đa chiều xét theo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**Bảng 3.4. Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo tại các địa bàn khảo sát trên địa bàn thành phố Hà Nội**

TT	Tình trạng thiếu hụt	Số hộ thiếu hụt	Tỷ lệ (trên tổng số 336 hộ điều tra)
1	Thất nghiệp hoặc việc làm không ổn định	297	88,4%
2	Số nhân khẩu phụ thuộc lớn hơn 50%	167	49,7%
3	Dinh dưỡng	270	80,3%
4	Bảo hiểm y tế	70	20,8%
5	Trình độ giáo dục của người lớn	226	67,2%
6	Tình trạng đi học của trẻ em	25	7,4%
7	Chất lượng nhà ở	106	31,5%
8	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	76	22,6%
9	Nguồn nước sinh hoạt	92	27,3%
10	Nhà tiêu hợp vệ sinh	133	39,5%
11	Sử dụng dịch vụ viễn thông	12	3,5%
12	Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	9	2,6%

*Nguồn: Tác giả điều tra hộ nghèo tại 04 huyện chọn điểm khảo sát trên địa bàn Hà Nội*

Sự thiếu hụt các DVXHCB của hộ nghèo trên địa bàn Thành phố được thể hiện cụ thể ở các chiều cạnh như sau: i) về việc làm; ii) về y tế; iii) về giáo dục;

iv) về nhà ở; v) nước sạch và môi trường sống; vi) về tiếp cận thông tin.

### **3.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2016-2022**

#### **3.2.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

##### **3.2.1.1. Thực trạng ban hành bộ tiêu chí giảm nghèo đa chiều phù hợp với địa phương**

Trên cơ sở bộ tiêu chí GNĐC do Chính phủ ban hành, Thành phố Hà Nội đã ban hành quy định chuẩn NĐC áp dụng trên địa bàn Thành phố.

**Bảng 3.8. Chuẩn hộ nghèo của Chính phủ ban hành và của Thành phố Hà Nội**

Khu vực	Giai đoạn 2016-2020		Giai đoạn 2021-2025	
	Chính phủ	Hà Nội	Chính phủ	Hà Nội
<b>Nông thôn</b>	Thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 700.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nhưng thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các DVXHCB trở lên.	Thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 1.100.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.100.000 đồng đến 1.500.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các DVXHCB trở lên.	Thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt DVXHCB trở lên.	Thu nhập từ 2.000.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt DVXHCB trở lên.
<b>Thành thị</b>	Thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 900.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng, nhưng thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các DVXHCB trở lên.	thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 1.400.000 đồng trở xuống; hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.400.000 đồng đến 1.950.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các DVXHCB trở lên.	Thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt DVXHCB trở lên.	Thu nhập từ 2.500.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt DVXHCB trở lên.

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các văn bản (Quyết định Số 59/QĐ-TTg, Nghị định 07/2021/NĐ-CP, Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND, Quyết định số 13 /QĐ-UBND ngày 05/9/2021*

##### **3.2.1.2. Thực trạng rà soát, thống kê số hộ nghèo đa chiều trên địa bàn**

##### **3.2.1.3. Xác định nguồn lực, mục tiêu, giải pháp thực hiện giảm nghèo đa chiều**

\* Nhân lực thực hiện giảm nghèo

\* Nguồn lực thực hiện giảm nghèo: Nguồn lực tài chính và nguồn lực khoa học công nghệ, tài nguyên hỗ trợ thực hiện GN

\* Xác định mục tiêu thực hiện giảm nghèo

### **3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

#### **3.2.2.1. Phân công, phối hợp các đơn vị, cán bộ thực hiện**

#### **3.2.2.2. Thực trạng huy động, phân bổ, phối hợp nguồn lực thực hiện**

\* Huy động nguồn lực

\* Cách thức phân bổ nguồn lực

#### **3.2.2.3. Thực trạng phổ biến, tuyên truyền về công tác giảm nghèo đa chiều tới các đối tượng liên quan**

\* Thực trạng tuyên truyền, vận động hộ nghèo, người nghèo

\* Thực trạng tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo

\* Thực trạng tuyên truyền khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp, đoàn thể tham gia thực hiện kế hoạch GN

#### **3.2.2.4. Thực trạng triển khai thực hiện các chính sách nhằm giảm nghèo đa chiều**

- Thực trạng thực hiện các chính sách GNĐC về phương diện thu nhập

- Thực trạng thực hiện các chính sách nhằm cải thiện mức độ tiếp cận các dịch vụ cơ bản của hộ nghèo

#### **3.2.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

**Bảng 3.14. Tổng hợp các cuộc thanh tra, kiểm tra thực hiện giảm nghèo trên địa bàn Thành phố Hà Nội**

STT	Cấp thực hiện	Năm						
		2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1	Các CQ Trung ương	2	3	5	5	1	1	3
2	Các CQ cấp Thành phố	9	8	8	7	2	3	6
3	Các CQ cấp quận, huyện	14	15	15	8	4	4	13
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25</b>	<b>26</b>	<b>28</b>	<b>20</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>22</b>

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Phòng Lao động thương binh và xã hội các quận, huyện, thị trên địa bàn Hà Nội*

### **3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2016-2022**

#### **3.3.1. Thành công trong quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa**

### **chiều trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*Thứ nhất*, chính quyền thành phố Hà Nội đã quan tâm xây dựng chiến lược và kế hoạch GNĐC đi đôi với ban hành các chính sách, văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện GNĐC phù hợp với đặc điểm của Thành phố.

*Thứ hai*, chính quyền Thành phố Hà Nội đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách GNĐC có ý nghĩa thiết thực, cung cấp sinh kế bền vững cho các hộ nghèo cũng như tạo điều kiện, tạo các nguồn lực cung cấp các dịch vụ công phù hợp và cần thiết từ đó nâng cao mức sống, mức thụ hưởng của người nghèo trên địa bàn Hà Nội.

*Thứ ba*, Hà Nội đã thực hiện được nhiều chính sách đặc thù trong công tác GNĐC, ngoài những chính sách theo quy định của Trung ương.

### **3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân trong quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều trên địa bàn Thành phố Hà Nội**

*\* Hạn chế trong quản lý nhà nước đối với giảm nghèo đa chiều trên địa bàn Thành phố Hà Nội*

- Hạn chế trong việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo đa chiều
- Hạn chế trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều
- Hạn chế trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch GNĐC

*\* Nguyên nhân hạn chế trong QLNN đối với GNĐC trên địa bàn Thành phố Hà Nội*

- Nguyên nhân từ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Hà Nội
- Nguyên nhân từ thiên tai, dịch bệnh
- Nguyên nhân từ cơ chế, chính sách
- Nguyên nhân từ năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách công tác GN

## **Chương 4**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

#### **4.1. BỐI CẢNH CHUNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

##### **4.1.1. Bối cảnh quốc tế**

##### **4.1.2. Bối cảnh trong nước**

##### **4.1.3. Bối cảnh của Hà Nội**

#### **4.2. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thứ nhất**, nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch, chính sách GNĐC



**Thứ hai,** đổi mới phương thức, quy trình, tiến độ, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện kế hoạch GNĐC

**Thứ ba,** phương hướng hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch GNĐC

### **4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**4.3.1. Hoàn thiện quy trình xây dựng và nâng cao chất lượng kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

**4.3.2. Đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

**4.3.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều**

**4.3.4. Nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo**

**4.3.5. Nâng cao nhận thức cho người nghèo, hạn chế phát sinh hộ nghèo trong tương lai.**

### **4.4. KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ**

## **KẾT LUẬN**

Giảm nghèo đa chiều là nhiệm vụ mà các nhà nước hiện đại coi là trọng tâm, là nhiệm vụ phải gánh vác nếu muốn có một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái. Tùy theo chế độ chính trị mà quốc gia áp dụng, chính quyền cấp tỉnh, với vai trò là cấp chính quyền địa phương cao nhất phải thực hiện chức năng trong lĩnh vực GNĐC: i) xây dựng chương trình, kế hoạch GNĐC; ii) tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã đề ra; iii) thanh tra, kiểm tra, giám sát để các chương trình, chính sách, kế hoạch đó được thực hiện một cách tối ưu.

Hà Nội là Thành phố có kinh tế phát triển năng động, có tốc độ phát triển kinh tế cao - bền vững, là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước. Từ năm 2016 -2022, Hà Nội đã đạt được một số thành tựu trong GNĐC đó là hầu hết các quận nội thành không còn hộ nghèo; tỉ lệ hộ NĐC trên địa bàn cũng thấp so với các địa phương khác cho dù chuẩn NĐC của Hà Nội thường cao hơn mức

chung của cả nước. Tuy nhiên, trên thực tế công cuộc GNĐC trên địa bàn Hà Nội cũng vấp phải một số thách thức và còn tồn tại một số hạn chế: vẫn còn một số hộ ở vùng sâu, xa chưa tiếp cận được nước sạch, chưa có nhà ở nhà vệ sinh theo chuẩn, một số nơi có số trẻ em đi học chưa đúng tuổi, còn hộ nghèo chưa có bảo hiểm y tế... Trong giai đoạn từ nay đến 2030, để thực hiện chương trình GN tốt hơn, thành phố Hà Nội cần hoàn thiện nội dung QLNN đối với GNĐC trên các khía cạnh: rà soát hộ nghèo chính xác, công bằng, minh bạch hơn; hoàn thiện các chính sách hỗ trợ người nghèo; cơ cấu lại bộ máy và cán bộ làm công tác GN; đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, động lực thoát nghèo của người nghèo...

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, một số vấn đề cơ sở lý thuyết và thực tiễn về QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được hệ thống hóa lại và làm rõ. Trên cơ sở phân tích thực trạng, đánh giá những thành công, hạn chế và xem xét nguyên nhân của hạn chế, luận án đã đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện hiệu lực QLNN đối với GNĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Mặc dù trong luận án đã cố gắng trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về chức năng QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với GNĐC và phân tích dữ liệu thu thập được để đánh giá thành tựu, hạn chế của chính quyền thành phố Hà Nội trong lĩnh vực QLNN đối với GNĐC, từ đó đề xuất các kiến nghị. Tuy nhiên, một số khía cạnh khác của QLNN cũng như thực trạng QLNN của chính quyền thành phố Hà Nội trong lĩnh vực GNĐC chưa được đào sâu phân tích cụ thể, chi tiết. Hy vọng sau khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh sẽ có điều kiện và thời gian nghiên cứu sâu hơn.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Thị Diệu Hoa (2022), “Issues in multidimensional poverty measurement method”, *Proceedings the fifth international conference on sustainable economic development and business management in the context of globalisation, Proceedings the fifth international conference on sustainable economic development and business management in the context of globalization (SEDBM-5)*, Nxb Tài chính, tr.1033 – 1048.
2. Lê Thị Diệu Hoa (2022), “Tiếp cận nghèo nghèo đa chiều cơ hội và thách thức trong việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều đối với công tác giảm nghèo bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính -Kế toán*, kỳ 1- tháng 7 (số 241), tr. 9-13.
3. Lê Thị Diệu Hoa (2023), “Một số phương pháp đo nghèo đa chiều hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/06/22/mot-so-phuong-phap-do-ngheo-da-chieu-hien-nay/>, Ngày đăng 22/6/2023.
4. Lê Thị Diệu Hoa (2023), “Nghèo đa chiều – cơ hội và thách thức trong công tác giảm nghèo bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/09/21/ngheo-da-chieu-co-hoi-va-thach-thuc-trong-cong-tac-giam-ngheo-ben-vung-o-viet-nam/>, Ngày đăng 21/9/2023